

Số: **502** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **05** tháng **4** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Công trình 16 Trạm Y tế thuộc gói thầu số 3 dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; Quyết định số 1700/QĐ-TTg ngày 28/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở”;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019; Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sử dụng vốn vay và hoàn trả vốn vay lại cho ngân sách Trung ương để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1, Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 356/TTr-SYT ngày 08/3/2021 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 455/SXD-QLXD ngày 22/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình 16 Trạm Y tế xã thuộc gói thầu số 3 dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính sau:

1. Người phê duyệt: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tên công trình: Trạm Y tế xã Trà Lâm, Trạm Y tế xã Trà Phú, Trạm Y tế xã Long Sơn, Trạm Y tế xã Ba Xa, Trạm Y tế xã Tịnh Châu, Trạm Y tế xã Tịnh Hòa, Trạm Y tế xã Bình Hòa, Trạm Y tế xã Bình Châu, Trạm Y tế xã Bình Nguyên, Trạm Y tế xã Bình An, Trạm Y tế xã Tịnh Hà, Trạm Y tế xã Tịnh Hiệp, Trạm Y tế xã Tịnh Minh, Trạm Y tế xã Trà Giang, Trạm Y tế xã Long Hiệp, Trạm Y tế xã Nghĩa Thắng.

3. Tên dự án: “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi.

4. Loại, cấp công trình: Các công trình thuộc loại công trình dân dụng, cấp III.

5. Địa điểm xây dựng:

Tại các xã thực hiện đầu tư, cụ thể: Các xã Trà Lâm, Trà Phú, Trà Giang thuộc huyện Trà Bồng; các xã Long Sơn, Long Hiệp thuộc huyện Minh Long; xã Ba Xa, huyện Ba Tơ; các xã Tịnh Châu, Tịnh Hòa thuộc thành phố Quảng Ngãi; các xã Bình Hòa, Bình Châu, Bình Nguyên, Bình An thuộc huyện Bình Sơn; các xã Tịnh Hà, Tịnh Hiệp, Tịnh Minh thuộc huyện Sơn Tịnh và xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa.

6. Chủ dự án: Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nhà thầu khảo sát xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn và thiết kế Thiên An.

8. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn và thiết kế Thiên An.

9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Công ty Cổ phần quy hoạch đô thị DCD.

10. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

a) Quy mô xây dựng:

Đầu tư xây dựng mới 03 Trạm Y tế xã (áp dụng 02 mẫu thiết kế: mẫu 2, mẫu 3) và sửa chữa, cải tạo, mở rộng 13 Trạm Y tế xã, cụ thể:

STT	Công trình	Nội dung thiết kế
1		Các Trạm Y tế sửa chữa, cải tạo, mở rộng
1.1	Trạm Y tế xã Trà Lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính ($S=380m^2$). - Nâng cấp Khối điều trị diện tích xây dựng ($51,8m^2$) diện tích sàn ($S=97m^2$). - Xây dựng mới Nhà xe ($S=31m^2$). - Vườn thuốc nam ($S=102,04m^2$). - Cải tạo Tường rào cổng ngõ ($L=106,65m$). - Sân vườn, đường nội bộ ($S=119m^2$). - Hệ thống xử lý nước sinh hoạt (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).
1.2	Trạm Y tế xã Trà Phú	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính ($S=365m^2$). - Nâng cấp Khối điều trị, diện tích xây dựng ($33m^2$) diện tích sàn ($S=65m^2$). - Cải tạo nhà xe ($S=60m^2$). - Cải tạo tường rào cổng ngõ ($131,57m$). - Cải tạo vườn thuốc nam ($S=71m^2$). - Sân vườn, đường nội bộ ($S=324,5m^2$). - Hệ thống điện ngoài nhà (01HT). - Cải tạo hệ thống cấp nước (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).

1.3	Trạm Y tế xã Long Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, sửa chữa Khối nhà chính + Nhà Công vụ, tổng diện tích xây dựng $S=383,42m^2$. - Sửa chữa Nhà xe hiện trạng ($S=40m^2$). - Làm mới vườn thuốc nam ($S=150m^2$). - Cải tạo tường rào cổng ngõ (Xây mới tường rào $L=84,7m$, Sơn lại tường rào, cổng ngõ hiện có 80m). - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ ($S=401,59m^2$). - Làm mới Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).
1.4	Trạm Y tế xã Ba Xa	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính, tổng diện tích $S=288,8 m^2$. - Xây dựng mới Nhà bếp, kho, tổng diện tích $S=52,44 m^2$. - Xây mới Vườn thuốc nam, diện tích $S=59,4 m^2$. - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, tổng diện tích $S=654 m^2$. - Sửa chữa, cải tạo tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài $L=134,4m$. - Xây mới mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích $S=112,5 m^2$. - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Cải tạo hệ thống cấp nước (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).
1.5	Trạm Y tế xã Tịnh Châu	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính, tổng diện tích $S=210 m^2$. - Xây mới khối điều trị, tổng diện tích $S=185 m^2$. - Xây dựng mới nhà để xe $S=50,8 m^2$. - Cải tạo Vườn thuốc nam, tổng diện tích $S=60,9 m^2$. - Sửa chữa, cải tạo tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài $L=142,1m$. - Mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích $S=33,1 m^2$. - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, tổng diện tích $S=218,2m^2$. - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Cải tạo hệ thống cấp nước (01HT).

		<ul style="list-style-type: none"> - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - Xây mới lò đốt rác, tổng diện tích $S=5m^2$.
1.6	Trạm Y tế xã Tịnh Hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính, tổng diện tích $S=243,41 m^2$. - Xây mới khối điều trị, tổng diện tích $S=208 m^2$. - Xây dựng mới Nhà xe máy, diện tích $S=50,8 m^2$. - Cải tạo Vườn thuốc nam, diện tích $S=76,2 m^2$. - Sửa chữa, cải tạo tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài $L=135,6m$. - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, tổng diện tích $S=475m^2$. - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Hệ thống xử lý cấp nước (01HT). - Mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích $S=110m^2$. - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - Sửa chữa Lò đốt rác ($S=5m^2$).
1.7	Trạm Y tế xã Bình Hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, cải tạo khối nhà chính diện tích xây dựng $240,3m^2$, tổng diện tích $474,8m^2$. - Nhà xe ($S=50m^2$). - Làm mới vườn thuốc nam ($S=100m^2$). - Cải tạo tường rào cổng ngõ (Xây mới tường rào $L=132,15m$, Sơn lại tường rào hiện có $L=57m$). - Sân vườn, đường nội bộ ($S=492m^2$). - Mái hiên tiêm chủng ($S=116,6m^2$). - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - Sửa chữa, cải tạo nhà tiêm chủng ($S=80,1m^2$). - Làm mới 01 lò đốt rác ($S=5m^2$). - Làm mới kè chắn đất ($L=115m$). - San nền ($1.810m^3$).
1.8	Trạm Y tế xã Bình Châu	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, sửa chữa Khối nhà chính, tổng diện tích xây dựng $183,63m^2$, tổng diện tích sàn $S=367,26m^2$. - Nhà xe ($S=40m^2$).

		<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo vườn thuốc nam ($S=58,63m^2$). - Cải tạo tường rào cổng ngõ (Xây mới tường rào $L=74m$, Sơn lại tường rào, cổng ngõ hiện có $80,85m$). - Sân vườn, đường nội bộ ($S=255,43m^2$). - Mái hiên tiêm chủng ($S=80m^2$). - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).
1.9	Trạm Y tế xã Bình Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, nâng tầng Khối nhà chính, kết hợp Nhà ăn và Kho, tổng diện tích xây dựng $247,24m^2$, tổng diện tích sàn $S=492,92m^2$. - Xây dựng mới Nhà xe máy, tổng diện tích $S=26,4m^2$. - Cải tạo vườn thuốc nam, tổng diện tích $S=90,17m^2$. - Cải tạo tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài $120,57m$. - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, tổng diện tích $S=399m^2$. - Mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích $S=116,62m^2$. - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).
1.10	Trạm Y tế xã Bình An	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, nâng tầng Khối nhà chính, tổng diện tích xây dựng $158,4m^2$, tổng diện tích sàn $S=315,36m^2$. - Sửa chữa, cải tạo khối nhà điều trị, bếp, kho ($S=64,7m^2$). - Nhà xe ($S=35m^2$). - Làm mới 01 lò đốt rác ($S=5m^2$). - Làm mới vườn thuốc nam ($S=80m^2$). - Cải tạo tường rào cổng ngõ (Xây mới tường rào + cổng $L=83,3m$, Sơn lại tường rào hiện có $L=11m$). - Sân vườn, đường nội bộ ($S=360m^2$). - Mái hiên tiêm chủng ($S=95m^2$). - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - San nền.
1.11	Trạm Y tế xã Tịnh Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa nhà làm việc hiện trạng, tổng diện tích $S=246m^2$.

		<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng nhà làm việc, tổng diện tích $S=239,4m^2$. - Xây dựng mới nhà để xe máy, tổng diện tích $S=40m^2$. - Cải tạo vườn thuốc nam, tổng diện tích $S=90m^2$. - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, tổng diện tích $S=365m^2$. - Sửa chữa Tường rào, cổng ngõ hiện trạng: 158md - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - Mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích $S=100m^2$. - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Sửa chữa Lò đốt rác (01 cái).
1.12	Trạm Y tế xã Tịnh Hiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, mở rộng nhà làm việc, tổng diện tích $S=420m^2$. - Xây dựng mới nhà để xe máy, tổng diện tích $S=40m^2$. - Sửa chữa, cải tạo Vườn thuốc Nam hiện trạng, $S=158,9m^2$. - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, tổng diện tích $S=200m^2$. - Sửa chữa Tường rào, cổng ngõ, tổng chiều dài 127md. - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - Mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích $S=120m^2$. - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Sửa chữa Lò đốt rác (01 cái).
1.13	Trạm Y tế xã Tịnh Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa nhà làm việc hiện trạng, tổng diện tích $S=400m^2$. - Sửa chữa nhà kho, bếp, tổng diện tích $S=30m^2$. - Sửa chữa, cải tạo Nhà để xe máy, tổng diện tích $S=66m^2$. - Cải tạo Vườn thuốc Nam, tổng diện tích $S=90m^2$. - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, tổng diện tích $S=294m^2$. - Sửa chữa Tường rào, cổng ngõ hiện trạng, tổng chiều dài 144m. - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - Mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích $S=100m^2$.

		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Sửa chữa Lò đốt rác (01 cái).
2	Các Trạm Y tế xây dựng mới	
2.1	Trạm Y tế xã Trà Giang (áp dụng thiết kế mẫu 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới khối nhà làm việc cao 02 tầng, diện tích xây dựng 244,2m²; tổng diện tích sàn xây dựng S=480m². - Xây dựng mới Nhà xe (S=44m²). - Vườn thuốc nam (S=82m²). - Xây dựng mới tường rào, cổng ngõ (L=124,6m). - Sân vườn, đường nội bộ (S=33m²). - Lò đốt rác thải (S=6,5m²). - Mái hiên tiêm chủng (S=139,9m²). - Hệ thống cấp điện ngoài nhà (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).
2.2	Trạm Y tế xã Long Hiệp (áp dụng thiết kế mẫu 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới khối nhà làm việc cao 02 tầng, diện tích xây dựng 240,26m², tổng diện tích sàn xây dựng S=430,5m². - Làm mới nhà bếp (S=20,9m²). - Làm mới Nhà xe (S=30,1m²). - Mái hiên tiêm chủng (S=78,1m²). - Làm mới lò đốt rác (S=5m²). - Cải tạo tường rào cổng ngõ (L=102,5m). - Sân vườn, đường nội bộ (S=167,2m²). - Làm mới vườn thuốc nam (S=30m²). - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT).
2.3	Trạm Y tế xã Nghĩa Thắng (áp dụng thiết kế mẫu 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới Khối nhà làm việc, diện tích xây dựng 244,2m², tổng diện tích sàn xây dựng S=423m². - Cải tạo vườn thuốc nam (S=90,8m²). - Cải tạo tường rào, cổng ngõ (Vệ sinh, sơn mới tường rào, cửa cổng hiện trạng), tổng chiều dài 253,2m. - Sửa chữa, cải tạo sân vườn, đường nội bộ (S=710,2m²). - Xây dựng mới mái hiên tiêm chủng, tổng diện tích

	<p>S=378,4m².</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà (01HT). - Bể tự hoại để xử lý nước thải y tế (01HT). - Sửa chữa lò đốt rác hiện trạng.
--	---

b) Giải pháp thiết kế chủ yếu:

b.1) Nhà làm việc các Trạm Y tế xây dựng mới: Áp dụng các thiết kế mẫu:

- Mẫu 2:

+ Kiến trúc: Khối nhà cao 02 tầng, tổng chiều cao công trình tính đến đỉnh mái 9,6m, nền cao 0,6m so với cao trình sân ngoài nhà; diện tích xây dựng 244,2m², tổng diện tích sàn xây dựng 423m²; thiết kế hành lang bên rộng 2,1m, giao thông đứng thiết kế 01 cầu thang bộ; nền lát gạch granite kích thước (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt kích thước (300x300)mm; bậc cấp và cầu thang hoàn thiện đá granite tự nhiên; tường xây gạch block 6 lỗ không nung; tường hành lang và trong phòng khu điều trị (tầng 1, tầng 2) ốp gạch men cao 2,1m, tường còn lại bả matit, sơn nước; lan can xây gạch block 6 lỗ không nung kết hợp tay vịn Inox; khu vệ sinh đóng trần tấm thả sợi khoáng kích thước (600x600)mm, khung xương nổi; cửa đi, cửa sổ kính khung nhôm thanh profile, kính dán an toàn dày 8,38mm, khung Inox sus 304 bảo vệ cửa; mái bằng BTCT trên lợp tole AZ50 dày 0,45mm, xà gồ thép hình đỡ mái.

+ Kết cấu: Thiết kế móng đơn BTCT đặt trên nền đất thiên nhiên; toàn bộ kết cấu móng, hệ khung cột, dầm, sàn thiết kế BTCT chịu lực, các kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông đá 1x2, cấp bền B15(M200); cốt thép sử dụng mác CB240-T, CB300-V; móng bó nền xây đá chẻ.

+ Hệ thống chiếu sáng: Sử dụng đèn Led hình bán nguyệt 1,2m-36W; đèn Led ốp trần công suất 9W, 12W; thông gió sử dụng quạt trần đảo chiều công suất 55W và quạt treo tường công suất 45W.

+ Hệ thống cấp, thoát nước: Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa PP-R, đường ống thoát nước sử dụng ống nhựa uPVC; bồn nước mái Inox dung tích 1.000 lít.

+ Hệ thống chống sét: Sử dụng kim thu sét phóng tia tiên đạo, bán kính bảo vệ 52m, được bố trí trên mái khối nhà. Dây thoát sét sử dụng cáp đồng trần 50mm², hệ thống tiếp địa sử dụng cọc thép mạ đồng D16 dài 2,4m.

- Mẫu 3:

+ Kiến trúc: Khối nhà cao 02 tầng, tổng chiều cao công trình tính đến đỉnh mái 9,3m, nền cao 0,6m so với cao trình sân ngoài nhà; diện tích xây dựng 240,26m², tổng diện tích sàn xây dựng 430,5m²; thiết kế hành lang bên

rộng 2,1m, giao thông đứng thiết kế 01 cầu thang bộ; nền lát gạch granite kích thước (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt kích thước (300x300)mm; bậc cấp và cầu thang hoàn thiện đá granite tự nhiên; tường xây gạch block 6 lỗ không nung, tường hành lang và trong phòng khu điều trị (tầng 1, tầng 2) ốp gạch men cao 2,1m, tường còn lại bả matit, sơn nước; lan can xây gạch block 6 lỗ không nung kết hợp tay vịn Inox; khu vệ sinh đóng trần tấm thả sợi khoáng kích thước (600x600)mm, khung xương nổi; cửa đi, cửa sổ kính khung nhôm thanh profile, kính dán an toàn dày 8,38mm, khung Inox sus 304 bảo vệ cửa; mái bằng BTCT trên lợp tole AZ50 dày 0,45mm, xà gồ thép hình đỡ mái.

+ Kết cấu: Thiết kế móng đơn BTCT đặt trên nền đất thiên nhiên; toàn bộ kết cấu móng, hệ khung cột, dầm, sàn thiết kế BTCT chịu lực, các kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông đá 1x2, cấp bền B15(M200); cốt thép sử dụng mác CB240-T, CB300-V; Móng bó nền xây đá chẻ.

+ Hệ thống chiếu sáng: Sử dụng đèn Led hình bán nguyệt 1,2m-36W; đèn Led ốp trần công suất 9W, 12W. Thông gió sử dụng quạt trần đảo chiều công suất 55W và quạt treo tường công suất 45W.

+ Hệ thống cấp, thoát nước: Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa PP-R, đường ống thoát nước sử dụng ống nhựa uPVC; Bồn nước mái Inox dung tích 1.000 lít.

+ Hệ thống chống sét: Sử dụng kim thu sét phóng tia tiên đạo, bán kính bảo vệ 52m, được bố trí trên mái khối nhà. Dây thoát sét sử dụng cáp đồng trần 50mm², hệ thống tiếp địa sử dụng cọc thép mạ đồng D16 dài 2,4m.

b.2) Nhà làm việc hiện trạng sửa chữa, cải tạo, mở rộng:

- Khối nhà cải tạo, mở rộng: Thực hiện cải tạo, mở rộng khối nhà làm việc hiện trạng để đảm bảo phù hợp với mục tiêu đầu tư dự án và nhu cầu sử dụng thực tế, cụ thể:

+ Kiến trúc: Khối nhà cao 02 tầng; Giao thông ngang thiết kế hành lang bên, giao thông đứng thiết kế 01 cầu thang bộ; nền lát gạch granite kích thước (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt kích thước (300x300)mm; Bậc cấp và cầu thang hoàn thiện đá granite tự nhiên; tường xây gạch block 6 lỗ không nung; tường hành lang và trong phòng ốp gạch men, tường còn lại bả matit, sơn nước; lan can xây gạch block 6 lỗ không nung kết hợp tay vịn Inox; khu vệ sinh đóng trần tấm thả sợi khoáng kích thước (600x600)mm, khung xương nổi; cửa đi, cửa sổ kính khung nhôm thanh profile, kính dán an toàn dày 8,38mm, khung Inox sus 304 bảo vệ cửa; mái bằng BTCT trên lợp tole AZ50 dày 0,45mm, xà gồ thép hình đỡ mái.

+ Kết cấu: Thiết kế móng đơn BTCT đặt trên nền đất thiên nhiên; toàn bộ kết cấu móng, hệ khung cột, dầm, sàn thiết kế BTCT chịu lực, các kết cấu

chịu lực chính sử dụng bê tông đá 1x2, cấp bền B15(M200); Cốt thép sử dụng mác CB240-T, CB300-V; móng bó nền xây đá chẻ.

- Khối nhà sửa chữa: Vệ sinh, sơn mới toàn bộ tường trong và ngoài khối nhà; tháo gỡ, lát mới gạch lát nền, sử dụng gạch granite kích thước (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt kích thước (300x300)mm; thay mới một số cửa đi, cửa sổ bị hư hỏng, sử dụng cửa khung nhôm thanh profile, kính dán an toàn dày 8,38mm; thay mới thiết bị điện, thiết bị vệ sinh; thay mới mái lợp tole AZ50 dày 0,45mm, chống thấm sê nô mái.

- Hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng:

+ Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ trụ điện hiện có của khu vực, dây nguồn chính cấp cho công trình sử dụng dây dẫn có tiết diện (2x16)mm².

+ Chiếu sáng trong nhà sử dụng đèn Led; thông gió bên trong sử dụng quạt trần đảo chiều công suất 55W và quạt treo tường công suất 45W.

+ Chiếu sáng ngoài nhà sử dụng đèn pha Led công suất 70W, 100W.

- Hệ thống cấp, thoát nước:

+ Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ giếng khoan, đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa PP-R, đường ống thoát nước sử dụng ống nhựa uPVC; bồn nước mái Inox dung tích 1.000 lít.

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn và thoát ra hồ tự thấm.

- Hệ thống chống sét: Sử dụng kim thu sét phóng tia tiên đạo bán kính bảo vệ 52m, được bố trí trên mái khối nhà. Dây thoát sét sử dụng cáp đồng trần 50mm², hệ thống tiếp địa sử dụng cọc thép mạ đồng D16 dài 2,4m.

b.3) Các hạng mục phụ trợ:

- Nhà để xe: Thiết kế móng đơn BTCT đá 1x2 cấp bền B15(M200); kết cấu cột, khung kèo thiết kế thép ống nhúng kẽm, xà gồ thép hộp mạ kẽm, trên lợp tole; nền nhà xe thiết kế đổ bê tông đá 1x2 mác M200.

- Tường rào, cổng ngõ:

+ Tường rào xây mới: Móng trụ, trụ tường rào kết hợp giằng thiết kế BTCT đá 1x2 cấp bền B15(M200), tường rào xây gạch block không nung, bên trên bố trí song sắt bảo vệ; toàn bộ tường rào hoàn thiện sơn nước. Cửa cổng thiết kế khung Inox sus 304.

+ Tường rào hiện trạng sửa chữa: Vệ sinh, quét vôi, lăn sơn lại toàn bộ tường rào, thay mới một số đoạn chông sắt bị hư hỏng.

- Sân vườn, đường nội bộ: Thiết kế đổ bê tông đá 1x2, mác M200, hoàn thiện bên trên lát gạch terazzo kích thước (400x400x30)mm.

- Bể xử lý nước thải y tế: Xử lý bằng phương pháp kỵ khí; bể được thiết kế đặt âm trong nền đất; đáy và thành bể đổ bê tông đá 1x2 mác M200, nắp đan đáy bể BTCT đá 1x2 cấp bền B15(M200).

- Mái hiên tiêm chủng: Thiết kế cột thép ống nhúng kẽm, hệ vì kèo thép hộp mạ kẽm đỡ mái, trên lợp tole, xà gồ thép hộp mạ kẽm.

- Vườn thuốc nam: Thiết kế thành, lối đi nội bộ đổ bê tông đá 1x2 mác M200; bố trí hệ thống tưới nước cho vườn thuốc nam.

- Lò đốt rác: Móng xây đá chẻ, tường xây gạch rỗng không nung, tấm đan bê tông cốt thép, hoàn thiện quét vôi, lăn sơn.

- San nền, kê chắn: Thực hiện san nền tại một số vị trí Trạm Y tế có địa hình trũng, thấp; Sử dụng đất đồi để đắp san nền, hệ số đầm nén $K=0,85$. Kê chắn xây đá chẻ, vữa xi măng mác M100 kết hợp giằng đỉnh kê BTCT đá 1x2 cấp bền B15(M200).

11. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Các hạng mục nhà làm việc Trạm Y tế thiết kế xây dựng mới niên hạn sử dụng công trình từ 20 năm đến dưới 50 năm.

12. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:

Tổng giá trị dự toán xây dựng công trình 16 Trạm Y tế xã thuộc gói thầu số 3 dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi là: **56.107.503.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ, một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm lẻ ba nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng trước thuế:	42.245.694.000 đồng
- Thuế GTGT (phần xây dựng):	4.224.569.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	771.406.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.164.435.000 đồng
- Chi phí khác:	623.719.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	5.077.680.000 đồng

13. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 07-1:2016/BXD; QCVN 07-2:2016/BXD; QCVN 07-5:2016/BXD; QCVN 12:2014/BXD; QCVN 10:2020/BXD; QCVN 06: 2020/BXD.

- Tiêu chuẩn áp dụng: TCN52 CN-CTYT 0001:2002; TCVN 7022:2002; TCVN 2737:1995; TCVN 5574:2018; TCVN 5575:2012; TCVN 4474:1987; TCVN 4513:1988; TCVN 9206:2012; TCVN 9207:2012;

- Quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT ngày 17/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu chuẩn thiết kế Trạm Y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành.

- Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

- Quyết định số 6070/QĐ-BYT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành hướng dẫn bố trí không gian và các phòng chức năng cho Trạm Y tế mô hình điểm;

- Hướng dẫn công nghệ xử lý nước thải y tế ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-MT ngày 03/7/2014 của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường Y tế.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi dự toán xây dựng được duyệt, sớm đưa công trình vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 455/SXD-QLXD ngày 22/3/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc211}.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh